

Số: 76 /QĐ-HBTTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Trường Trung học phổ thông Hai Bà Trưng - Thạch Thắt**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HAI BÀ TRƯNG -
THẠCH THẮT**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Thông báo số 700/TB-SGDĐT ngày 11/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 đối với Trường Trung học phổ thông Hai Bà Trưng - Thạch Thắt;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Trung học phổ thông Hai Bà Trưng - Thạch Thắt (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán, các cá nhân và bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Khuất Đăng Khoa

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Hai Bà Trưng - Thạch Thất

Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-HBTTT ngày 15/03/2025 của Hiệu trưởng Trường THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.595	17.595	0	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	17.595	17.595		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.987	16.987	0	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	608	608	0	

